TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AB** **TỈNH KG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2025
"Về việc ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AB, TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trí và ông Lê Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh KG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AB tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 6 Đ, xã Nam T, huyện AB, KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, bà Phan Thị Ngọc D trình bày như sau: Tôi và chồng tôi là ông Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 2007, chúng tôi có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã TYA vào ngày 20/8/2012.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bất hòa hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã tìm cách dung hoà để hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, vợ chồng không còn tình cảm nên đã sống ly thân vào năm 2023 và hôn nhân không thể tiếp tục. Bà Ngọc D yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà Dung xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Phan Tín N, sinh ngày 27/4/2011 và Trần Phan AM, sinh ngày 19/6/2008, hiện tại đang chung sống bà Phan Thị Ngọc D.

Về tài sản chung của vợ chồng, bà Phan Thị Ngọc D xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng, bà Phan Thị Ngọc D xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Trần Văn T nhưng ông đều không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Giao 02 người con chung Trần Phan Tín N và Trần Phan AM cho chị Dung tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện AB. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh KG.

Về quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị Ngọc D xin ly hôn với ông Trần Văn T và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn và nuôi con".

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1,2 điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa án bà Ngọc D xác định ông bà chung sống với nhau vào năm 2007, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã TYA vào ngày 20/8/2012, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân trong thời gian vợ chồng bà Phan Thị Ngọc D và ông Trần Văn T chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, mâu thuẫn kinh tế, về tình cảm vợ chồng ông bà đã không tự hàn gắn lại với nhau được và ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Ngọc D, giải quyết cho bà Phan Thị Ngọc D ly hôn với ông Trần Văn T**.**

2.2 Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà Phan Thị Ngọc D và ông Trần Văn T ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay, thì 02 người con chung chung tên Trần Phan Tín N, sinh ngày 27/4/2011 và Trần Phan AM, sinh ngày 19/6/2008 hiện đang sống với bà Ngọc D, bà Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu, cuộc sống của 02 cháu đã ổn định trong thời gian dài và tại Tòa án bà Ngọc D có yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con chung, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 cháu Trần Phan Tín N, sinh ngày 27/4/2011 và Trần

Phan AM, sinh ngày 19/6/2008 cho bà Ngọc D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu Trần Phan Tín N, Trần Phan AM và phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Ngọc D không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Bà Phan Thị Ngọc D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc D xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Phan Thị Ngọc D là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Ngọc D và ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phan Tín N, sinh ngày 27/4/2011 và Trần Phan AM, sinh ngày 19/6/2008 cho bà Phan Thị Ngọc D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu Trần Phan Tín N và Trần Phan AM.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Ngọc D không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Ngọc D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Ngọc D xác định không có nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc D có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003641 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh KG. Bà Phan Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/6/2025, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND huyện AB;*
- *Chi cục THADS huyện AB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: VT, HSDS (Kiều).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đen